

Số: /HD-SYT

Kon Tum, ngày tháng 6 năm 2025

## HƯỚNG DẪN

### Về việc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Sở Y tế hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) ban đầu trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

#### I. CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT VÀ ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT BAN ĐẦU

Tổng số có 124 cơ sở đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh BHYT, trong đó:

- Cơ sở đủ điều kiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu: 105 cơ sở.
- Cơ sở đủ điều kiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản: 16 cơ sở.
- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT không đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu: 03 cơ sở.

*(Danh sách chi tiết các cơ sở đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh BHYT và đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu, phân bổ số thẻ BHYT ban đầu chi tiết tại Phụ lục I, II và III kèm theo)*

## **II. ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT BAN ĐẦU**

### **1. Nguyên tắc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu**

1.1. Người tham gia BHYT thuộc tất cả các đối tượng được lựa chọn một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu gần nơi cư trú, làm việc, học tập và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu.

1.2. Người tham gia BHYT được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

1.3. Người tham gia BHYT được thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu vào 15 ngày đầu mỗi quý để phù hợp với nơi cư trú, làm việc hoặc học tập.

1.4. Việc phân bổ số lượng thẻ BHYT cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu thực hiện theo nguyên tắc được quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

### **2. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu**

#### **2.1. Tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu**

*a) Trung tâm y tế cấp huyện được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo hình thức tổ chức là phòng khám (Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum; Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi); Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực công lập:*

Người tham gia BHYT được quyền lựa chọn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu gần nơi cư trú, làm việc, học tập và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu đó.

#### *b) Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum*

Người tham gia BHYT là nhân viên, người lao động làm việc tại phòng khám; người tham gia BHYT đang cư trú, làm việc, học tập tại phường Trường Chinh, Duy Tân thuộc thành phố Kon Tum hoặc gần phòng khám đa khoa (nếu có nguyện vọng). Nếu có bản khám Nhi thì được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu cho trẻ dưới 15 tuổi.

#### *c) Phòng khám Đa khoa và Tiêm chủng Hạnh Tâm*

Người tham gia BHYT là nhân viên, người lao động làm việc tại phòng khám; người tham gia BHYT đang cư trú, làm việc, học tập tại phường Quyết

Thắng, Thắng Lợi thuộc thành phố Kon Tum hoặc gần phòng khám đa khoa (nếu có nguyện vọng). Nếu có bản khám Nhi thì được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu cho trẻ dưới 15 tuổi.

## **2.2. Tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản**

### **2.2.1. Trên địa bàn thành phố Kon Tum**

Ngoài các quy định về khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại Mục 2.1 nêu trên, một số đối tượng cư trú, làm việc trên địa bàn thành phố Kon Tum được lựa chọn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản phù hợp với nơi cư trú, làm việc, học tập và khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cụ thể:

#### *a) Bệnh viện Đa khoa tỉnh áp dụng đối với:*

- Người thuộc diện được Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quản lý.
- Người đang làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước; các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đóng trên địa bàn thành phố Kon Tum.
- Viên chức và người lao động đang làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- Cán bộ hưu trí, người có công với cách mạng, người từ đủ 80 tuổi trở lên và đối tượng bảo trợ xã hội.
- Trẻ em dưới 6 tuổi.
- Người thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn thành phố Kon Tum bị bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo.
- Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật về hiến ghép mô tạng.
- Học sinh Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụ Như Kon Tum.
- Người tham gia BHYT theo hộ gia đình đang cư trú tại xã, phường: Quang Trung, Vinh Quang.

\* Lưu ý: Trường hợp số thẻ BHYT ban đầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh cao hơn số thẻ BHYT ban đầu tối đa tại Phụ lục III kèm theo Hướng dẫn này thì thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống.

#### *b) Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng áp dụng đối với:*

- Cán bộ hưu trí, người có công với cách mạng, người từ đủ 80 tuổi trở lên và đối tượng bảo trợ xã hội; Người tham gia BHYT đang cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường: Thống Nhất, Lê Lợi, Chư Hreng.
- Viên chức và người lao động đang làm việc tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng.

- Người đang làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước; các Sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đóng trên địa bàn thành phố Kon Tum (nếu có nguyện vọng).

*c) Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An áp dụng đối với:*

- Người tham gia BHYT là nhân viên, người lao động đang làm việc tại đơn vị.

- Người tham gia BHYT đang cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Kon Tum; Trẻ em dưới 6 tuổi (nếu có nguyện vọng).

- Người thường trú, tạm trú có thời hạn hoặc làm việc trên địa bàn thành phố Kon Tum đang chạy thận nhân tạo.

*d) Bệnh xá Sư đoàn 10/Quân đoàn 34; Bệnh xá Công an tỉnh áp dụng đối với:* Người tham gia BHYT đang cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, phường thuộc thành phố Kon Tum (nếu có nguyện vọng).

### **2.2.2. Trên địa bàn các huyện**

*a) Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện, Bệnh viện Đa khoa khu vực áp dụng đối với:*

- Người thuộc diện được Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh quản lý.

- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập trên địa bàn các xã, thị trấn gần nơi cơ sở đóng trụ sở, ưu tiên các đối tượng: Người có công với cách mạng; trẻ em dưới 06 tuổi; cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, ban ngành cấp huyện; người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở đó.

- Người tham gia BHYT cư trú, công tác, học tập tại địa bàn giáp ranh giữa các huyện trong tỉnh được lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gần nhất để đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cấp ban đầu hoặc cơ bản không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với nơi làm việc, cư trú và khả năng đáp ứng của cơ sở đó.

*b) Bệnh xá Quân dân y Mô Rai/ Binh đoàn 15 áp dụng đối với:* Người tham gia BHYT đang cư trú, làm việc, học tập trên địa bàn xã Mô Rai hoặc gần Bệnh xá thuộc huyện Sa Thầy (nếu có nguyện vọng).

## **7. Một số lưu ý**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật BHYT: ***“Người tham gia bảo hiểm y tế có quyền đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu hoặc cấp cơ bản; có quyền thay đổi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu trong 15 ngày đầu của mỗi quý”.***

Do vậy, trường hợp người tham gia BHYT có nguyện vọng thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, được lựa chọn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu hoặc cấp cơ bản gần nơi cư trú, làm việc, học tập và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; phù hợp với quy định theo hướng dẫn tại văn bản này. Người tham gia BHYT được thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu trong 15 ngày đầu của mỗi quý.

### **III. THỦ TỤC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT VÀ CHUYỂN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT**

#### **1. Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh BHYT**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2<sup>1</sup> Điều 1 Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

**2. Thủ tục hẹn khám lại và Phiếu hẹn khám lại:** Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### **3. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với người bệnh tham gia bảo hiểm y tế**

3.1. Việc chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.2. Sở Y tế quy định cụ thể một số trường hợp việc chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế, như sau:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cấp ban đầu thực hiện chuyển người bệnh theo yêu cầu chuyên môn, tình trạng bệnh của người bệnh hoặc vượt khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp hoặc cấp cơ bản:

| <b>STT</b> | <b>Huyện/thành phố</b>                              | <b>Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu</b> | <b>Nơi tiếp nhận bệnh nhân đến (cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp hoặc cấp cơ bản)</b> |
|------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Đăk Tô, Đăk Hà, Ia H'Drai, Sa | Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực               | Trung tâm Y tế huyện nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu                    |

<sup>1</sup> Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 75/2023/NĐ-CP

| STT | Huyện/thành phố            | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu  | Nơi tiếp nhận bệnh nhân đến (cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp hoặc cấp cơ bản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Thầy, Kon Plông và Kon Rẫy |                                               | đóng chân trên địa bàn huyện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2   | Kon Tum, Ngọc Hồi          | Trạm Y tế, Trung tâm Y tế, Phòng khám Đa khoa | <p>- Bệnh viện Đa khoa tỉnh hoặc Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu đóng chân trên địa bàn huyện/thành phố.</p> <p>- Hoặc Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (theo chuyên khoa Y dược cổ truyền, Phục hồi chức năng), Bệnh viện Tâm thần (theo chuyên khoa Tâm thần), Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (theo chuyên khoa phù hợp) hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc cấp ban đầu đóng chân trên địa bàn thành phố.</p> |

- TYT xã Đăk La, xã Ngọc Réo thuộc huyện Đăk Hà; TYT xã Đăk Tờ Re thuộc huyện Kon Rẫy được quyền chuyển người bệnh theo yêu cầu chuyên môn, tình trạng bệnh của người bệnh hoặc vượt khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (*theo chuyên khoa Y dược cổ truyền, Phục hồi chức năng*), Bệnh viện Tâm thần (*theo chuyên khoa Tâm thần*), Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (*theo chuyên khoa phù hợp*) không phải qua TTYT huyện.

- TYT xã Đăk Long, Đăk Môn thuộc TTYT huyện Đăk Glei; TYT xã Tân Cảnh thuộc TTYT huyện Đăk Tô; TYT xã Rờ Koi thuộc TTYT huyện Sa Thầy được quyền chuyển người bệnh theo yêu cầu chuyên môn, tình trạng bệnh của

người bệnh hoặc vượt khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đến Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi không phải qua TTYT huyện.

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản được quyền chuyển người bệnh đến bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp chuyên môn trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu chuyên môn, tình trạng bệnh của người bệnh hoặc vượt khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; nhưng phải tạo thuận lợi và quyền lợi cho người bệnh.

**4. Hồ sơ chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Đề nghị Bảo hiểm xã hội khu vực XXI**

- Thông báo đến các đơn vị sử dụng lao động đóng trên địa bàn tỉnh được biết một số quy định về đăng ký và thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu.

- Tổ chức cho người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu theo đúng hướng dẫn tại văn bản này.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, bảo đảm chính xác thông tin cá nhân trước khi cấp thẻ nhằm hạn chế việc cấp thẻ sai thông tin cá nhân gây khó khăn cho người dân khi đi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện ký kết hợp đồng và tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bảo đảm theo quy định.

##### **3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT**

- Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội nơi ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện đúng, đủ các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định có liên quan.

- Công khai kết quả xếp cấp chuyên môn kỹ thuật kèm theo số điểm trên Trang thông tin điện tử của cơ sở và tại nơi đón tiếp người bệnh.

- Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tổ chức tuyên truyền đến người bệnh khi đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để người bệnh hiểu được quyền lợi và trách nhiệm khi tham gia bảo hiểm y tế.

#### **V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Các nội dung quy định tại Hướng dẫn này được thực hiện từ ngày 01 tháng 07 năm 2025. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong hướng dẫn này thay đổi thì thực hiện theo quy định của văn bản mới.

2. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 28/HDLN-SYT-BHXXH ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Liên ngành Sở Y tế - BHXH tỉnh Kon Tum về việc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 và Hướng dẫn số 98/HD-SYT ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Sở Y tế.

3. Việc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Tiếp tục thực hiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trên địa bàn cũ như trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cho đến khi Sở Y tế có hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Y tế để xem xét, phối hợp giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Bảo hiểm xã hội khu vực XXI (ph/hợp);
- UBND các huyện, thành phố (đ/b);
- Công an tỉnh (đ/b);
- Sư đoàn 10 (thuộc Quân đoàn 34) (đ/b);
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT;
- BHXH các huyện;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Văn Thanh**



**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**  
*(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SYT ngày /6/2025*  
*của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)*

| Số TT | TT theo mục | Tên cơ sở KCB BHYT                                                                                 | Mã cơ sở KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Ghi chú |
|-------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------|---------|
|       | <b>I</b>    | <b>Thành phố Kon Tum</b>                                                                           |              |                         |         |
| 1.    | 1.          | Bệnh viện Đa khoa tỉnh                                                                             | 62001        | Cơ bản                  |         |
| 2.    | 2.          | Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (cơ sở 1)                                          | 62058        | Cơ bản                  |         |
| 3.    | 3.          | Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (cơ sở 2)                                          | 62134        | Cơ bản                  |         |
| 4.    | 4.          | Bệnh xá Công an tỉnh                                                                               | 62141        | Cơ bản                  |         |
| 5.    | 5.          | Bệnh xá Sư đoàn 10 (thuộc Quân đoàn 34)                                                            | 62126        | Cơ bản                  |         |
| 6.    | 6.          | Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An (thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Kon Tum)             | 62160        | Cơ bản                  |         |
| 7.    | 7.          | Phòng khám Đa khoa và Tiêm chủng Hạnh Tâm (thuộc Công ty TNHH MTV Y tế Hạnh Tâm)                   | 62159        | Ban đầu                 |         |
| 8.    | 8.          | Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum (thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Trang thiết bị y tế Hải Hưng) | 62158        | Ban đầu                 |         |
| 9.    | 9.          | Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum                                                                   | 62009        | Ban đầu                 |         |
| 10.   | 10.         | Trạm Y tế phường Ngô Mỹ                                                                            | 62147        | Ban đầu                 |         |
| 11.   | 11.         | Trạm Y tế xã Chư Hreng                                                                             | 62014        | Ban đầu                 |         |
| 12.   | 12.         | Trạm Y tế xã Hoà Bình                                                                              | 62015        | Ban đầu                 |         |
| 13.   | 13.         | Trạm Y tế phường Thống Nhất                                                                        | 62016        | Ban đầu                 |         |
| 14.   | 14.         | Trạm Y tế xã Đăk Blá                                                                               | 62017        | Ban đầu                 |         |
| 15.   | 15.         | Trạm Y tế phường Quang Trung                                                                       | 62018        | Ban đầu                 |         |
| 16.   | 16.         | Trạm Y tế xã Đăk Rơ Wa                                                                             | 62019        | Ban đầu                 |         |
| 17.   | 17.         | Trạm Y tế xã Ia Chim                                                                               | 62020        | Ban đầu                 |         |
| 18.   | 18.         | Trạm Y tế xã Vinh Quang                                                                            | 62021        | Ban đầu                 |         |
| 19.   | 19.         | Trạm Y tế xã Ngọc Bay                                                                              | 62022        | Ban đầu                 |         |

| Số TT | TT theo mục | Tên cơ sở KCB BHYT             | Mã cơ sở KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Ghi chú |
|-------|-------------|--------------------------------|--------------|-------------------------|---------|
| 20.   | 20.         | Trạm Y tế xã Kroong            | 62023        | Ban đầu                 |         |
| 21.   | 21.         | Trạm Y tế phường Lê Lợi        | 62024        | Ban đầu                 |         |
| 22.   | 22.         | Trạm Y tế phường Duy Tân       | 62025        | Ban đầu                 |         |
| 23.   | 23.         | Trạm Y tế phường Trường Chinh  | 62026        | Ban đầu                 |         |
| 24.   | 24.         | Trạm Y tế xã Đăk Cầm           | 62027        | Ban đầu                 |         |
| 25.   | 25.         | Trạm Y tế phường Thắng Lợi     | 62028        | Ban đầu                 |         |
| 26.   | 26.         | Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo | 62029        | Ban đầu                 |         |
| 27.   | 27.         | Trạm Y tế phường Quyết Thắng   | 62030        | Ban đầu                 |         |
| 28.   | 28.         | Trạm Y tế phường Nguyễn Trãi   | 62032        | Ban đầu                 |         |
| 29.   | 29.         | Trạm Y tế xã Đoàn Kết          | 62033        | Ban đầu                 |         |
| 30.   | 30.         | Trạm Y tế xã Đăk Năng          | 62128        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>II</b>   | <b>Huyện Đăk Hà</b>            |              |                         |         |
| 31.   | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà    | 62007        | Cơ bản                  |         |
| 32.   | 2.          | Trạm Y tế xã Ngọc Wang         | 62151        | Ban đầu                 |         |
| 33.   | 3.          | Trạm Y tế xã Đăk Hring         | 62154        | Ban đầu                 |         |
| 34.   | 4.          | Trạm Y tế thị trấn Đăk Hà      | 62092        | Ban đầu                 |         |
| 35.   | 5.          | Trạm Y tế xã Đăk Pxi           | 62093        | Ban đầu                 |         |
| 36.   | 6.          | Trạm Y tế xã Đăk Ui            | 62095        | Ban đầu                 |         |
| 37.   | 7.          | Trạm Y tế xã Đăk Mar           | 62096        | Ban đầu                 |         |
| 38.   | 8.          | Trạm Y tế xã Ngọc Réo          | 62098        | Ban đầu                 |         |
| 39.   | 9.          | Trạm Y tế xã Hà Mòn            | 62099        | Ban đầu                 |         |
| 40.   | 10.         | Trạm Y tế xã Đăk La            | 62100        | Ban đầu                 |         |
| 41.   | 11.         | Trạm Y tế xã Đăk Ngọc          | 62146        | Ban đầu                 |         |
| 42.   | 12.         | Trạm Y tế xã Đăk Long          | 62157        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>III</b>  | <b>Huyện Đăk Tô</b>            |              |                         |         |
| 43.   | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô    | 62004        | Cơ bản                  |         |
| 44.   | 2.          | Trạm Y tế thị trấn Đăk Tô      | 62057        | Ban đầu                 |         |
| 45.   | 3.          | Trạm Y tế xã Ngọc Tụ           | 62066        | Ban đầu                 |         |
| 46.   | 4.          | Trạm Y tế xã Văn Lem           | 62067        | Ban đầu                 |         |
| 47.   | 5.          | Trạm Y tế xã Kon Đào           | 62068        | Ban đầu                 |         |
| 48.   | 6.          | Trạm Y tế xã Tân Cảnh          | 62069        | Ban đầu                 |         |
| 49.   | 7.          | Trạm Y tế xã Diên Bình         | 62070        | Ban đầu                 |         |
| 50.   | 8.          | Trạm Y tế xã Pô Kô             | 62071        | Ban đầu                 |         |
| 51.   | 9.          | Trạm Y tế xã Đăk Rơ Nga        | 62074        | Ban đầu                 |         |
| 52.   | 10.         | Trạm Y tế xã Đăk Trăm          | 62075        | Ban đầu                 |         |

| Số TT | TT theo mục | Tên cơ sở KCB BHYT                    | Mã cơ sở KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Ghi chú |
|-------|-------------|---------------------------------------|--------------|-------------------------|---------|
|       | <b>IV</b>   | <b>Huyện Tư Mơ Rông</b>               |              |                         |         |
| 53.   | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Tư Mơ Rông       | 62013        | Cơ bản                  |         |
| 54.   | 2.          | Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rơ Ông | 62139        | Ban đầu                 |         |
| 55.   | 3.          | Trạm Y tế xã Tư Mơ Rông               | 62150        | Ban đầu                 |         |
| 56.   | 4.          | Trạm Y tế xã Ngọc Lây                 | 62112        | Ban đầu                 |         |
| 57.   | 5.          | Trạm Y tế xã Đăk Na                   | 62113        | Ban đầu                 |         |
| 58.   | 6.          | Trạm Y tế xã Măng Ri                  | 62114        | Ban đầu                 |         |
| 59.   | 7.          | Trạm Y tế xã Ngọc Yêu                 | 62115        | Ban đầu                 |         |
| 60.   | 8.          | Trạm Y tế xã Đăk Sao                  | 62116        | Ban đầu                 |         |
| 61.   | 9.          | Trạm Y tế xã Tê Xăng                  | 62119        | Ban đầu                 |         |
| 62.   | 10.         | Trạm Y tế xã Văn Xuôi                 | 62120        | Ban đầu                 |         |
| 63.   | 11.         | Trạm Y tế xã Đăk Tơ Kan               | 62121        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>V</b>    | <b>Huyện Ngọc Hồi</b>                 |              |                         |         |
| 64.   | 1.          | Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi    | 62127        | Cơ bản                  |         |
| 65.   | 2.          | Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi         | 62003        | Ban đầu                 |         |
| 66.   | 3.          | Trạm Y tế xã Đăk Dục                  | 62156        | Ban đầu                 |         |
| 67.   | 4.          | Trạm Y tế thị trấn Plei Kần           | 62049        | Ban đầu                 |         |
| 68.   | 5.          | Trạm Y tế xã Đăk Ang                  | 62050        | Ban đầu                 |         |
| 69.   | 6.          | Trạm Y tế xã Đăk Nông                 | 62052        | Ban đầu                 |         |
| 70.   | 7.          | Trạm Y tế xã Đăk Xú                   | 62053        | Ban đầu                 |         |
| 71.   | 8.          | Trạm Y tế xã Đăk Kan                  | 62054        | Ban đầu                 |         |
| 72.   | 9.          | Trạm Y tế xã Pờ Y                     | 62055        | Ban đầu                 |         |
| 73.   | 10.         | Trạm Y tế xã Sa Loong                 | 62056        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>VI</b>   | <b>Huyện Đăk Glei</b>                 |              |                         |         |
| 74.   | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei         | 62002        | Cơ bản                  |         |
| 75.   | 2.          | Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Môn    | 62061        | Ban đầu                 |         |
| 76.   | 3.          | Trạm Y tế xã Mường Hoong              | 62153        | Ban đầu                 |         |
| 77.   | 4.          | Trạm Y tế thị trấn Đăk Glei           | 62037        | Ban đầu                 |         |
| 78.   | 5.          | Trạm Y tế xã Đăk Blô                  | 62038        | Ban đầu                 |         |
| 79.   | 6.          | Trạm Y tế xã Đăk Man                  | 62039        | Ban đầu                 |         |
| 80.   | 7.          | Trạm Y tế xã Đăk Nhoong               | 62040        | Ban đầu                 |         |
| 81.   | 8.          | Trạm Y tế xã Đăk Pét                  | 62041        | Ban đầu                 |         |
| 82.   | 9.          | Trạm Y tế xã Đăk Choong               | 62042        | Ban đầu                 |         |
| 83.   | 10.         | Trạm Y tế xã Xốp                      | 62043        | Ban đầu                 |         |

| Số TT | TT theo mục | Tên cơ sở KCB BHYT                 | Mã cơ sở KCB | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Ghi chú |
|-------|-------------|------------------------------------|--------------|-------------------------|---------|
| 84.   | 11.         | Trạm Y tế xã Ngọc Linh             | 62045        | Ban đầu                 |         |
| 85.   | 12.         | Trạm Y tế xã Đăk Long              | 62046        | Ban đầu                 |         |
| 86.   | 13.         | Trạm Y tế xã Đăk Kroong            | 62047        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>VII</b>  | <b>Huyện Kon Rẫy</b>               |              |                         |         |
| 87.   | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy       | 62008        | Cơ bản                  |         |
| 88.   | 2.          | Phòng khám Đa khoa khu vực Đăk Rve | 62137        | Ban đầu                 |         |
| 89.   | 3.          | Trạm Y tế xã Đăk Kôi               | 62086        | Ban đầu                 |         |
| 90.   | 4.          | Trạm Y tế xã Đăk Tơ Lung           | 62087        | Ban đầu                 |         |
| 91.   | 5.          | Trạm Y tế xã Đăk Ruồng             | 62088        | Ban đầu                 |         |
| 92.   | 6.          | Trạm Y tế xã Đăk Pnê               | 62089        | Ban đầu                 |         |
| 93.   | 7.          | Trạm Y tế xã Đăk Tờ Re             | 62090        | Ban đầu                 |         |
| 94.   | 8.          | Trạm Y tế xã Tân Lập               | 62091        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>VIII</b> | <b>Huyện Kon Plông</b>             |              |                         |         |
| 95.   | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Kon Plông     | 62006        | Cơ bản                  |         |
| 96.   | 2.          | Trạm Y tế xã Đăk Rìng              | 62149        | Ban đầu                 |         |
| 97.   | 3.          | Trạm Y tế xã Đăk Nêr               | 62076        | Ban đầu                 |         |
| 98.   | 4.          | Trạm Y tế xã Măng Búk              | 62078        | Ban đầu                 |         |
| 99.   | 5.          | Trạm Y tế xã Đăk Tăng              | 62079        | Ban đầu                 |         |
| 100.  | 6.          | Trạm Y tế xã Ngọc Tem              | 62080        | Ban đầu                 |         |
| 101.  | 7.          | Trạm Y tế xã Pờ Ê                  | 62081        | Ban đầu                 |         |
| 102.  | 8.          | Trạm Y tế xã Măng Cành             | 62082        | Ban đầu                 |         |
| 103.  | 9.          | Trạm Y tế thị trấn Măng Đen        | 62083        | Ban đầu                 |         |
| 104.  | 10.         | Trạm Y tế xã Hiếu                  | 62084        | Ban đầu                 |         |
|       | <b>IX</b>   | <b>Huyện Sa Thầy</b>               |              |                         |         |
| 105.  | 1.          | Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy       | 62005        | Cơ bản                  |         |
| 106.  | 2.          | Trạm Y tế xã Rờ Koi                | 62148        | Ban đầu                 |         |
| 107.  | 3.          | Trạm Y tế xã Ya Xiêr               | 62155        | Ban đầu                 |         |
| 108.  | 4.          | Trạm Y tế thị trấn Sa Thầy         | 62101        | Ban đầu                 |         |
| 109.  | 5.          | Trạm Y tế xã Sa Nhơn               | 62103        | Ban đầu                 |         |
| 110.  | 6.          | Trạm Y tế xã Mô Rai                | 62104        | Ban đầu                 |         |
| 111.  | 7.          | Trạm Y tế xã Sa Sơn                | 62105        | Ban đầu                 |         |
| 112.  | 8.          | Trạm Y tế xã Sa Nghĩa              | 62106        | Ban đầu                 |         |
| 113.  | 9.          | Trạm Y tế xã Sa Bình               | 62107        | Ban đầu                 |         |
| 114.  | 10.         | Trạm Y tế xã Ya Tăng               | 62109        | Ban đầu                 |         |
| 115.  | 11.         | Trạm Y tế xã Ya Ly                 | 62110        | Ban đầu                 |         |

| <b>Số TT</b> | <b>TT theo mục</b> | <b>Tên cơ sở KCB BHYT</b>                              | <b>Mã cơ sở KCB</b> | <b>Cấp chuyên môn kỹ thuật</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|--------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------|
| 116.         | 12.                | Trạm Y tế xã Hơ Moong                                  | 62111               | Ban đầu                        |                |
| 117.         | 13.                | Bệnh xá Quân dân y Khu vực Mô Rai (thuộc Binh đoàn 15) | 62132               | Cơ bản                         |                |
|              | <b>X</b>           | <b>Huyện Ia H'Drai</b>                                 |                     |                                |                |
| 118.         | 1.                 | Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai                         | 62140               | Cơ bản                         |                |
| 119.         | 2.                 | Trạm Y tế xã Ia Đal                                    | 62142               | Ban đầu                        |                |
| 120.         | 3.                 | Trạm Y tế xã Ia Dom                                    | 62143               | Ban đầu                        |                |
| 121.         | 4.                 | Trạm Y tế xã Ia Tơi                                    | 62144               | Ban đầu                        |                |

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT**  
**KHÔNG ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT BAN ĐẦU**  
*(Kèm theo Hướng dẫn số      /HD-SYT ngày      /6/2025*  
*của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)*

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh<br/>BHYT</b> | <b>Mã cơ<br/>sở<br/>khám<br/>bệnh,<br/>chữa<br/>bệnh</b> | <b>Cấp<br/>chuyên<br/>môn kỹ<br/>thuật</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|
| 1                | Bệnh viện Mắt Kon Tum                          | 62178                                                    | Cơ bản                                     |                |
| 2                | Bệnh viện Tâm thần                             | 62179                                                    | Cơ bản                                     |                |
| 3                | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật                   | 62152                                                    | Ban đầu                                    |                |

**Phụ lục III**  
**SỐ THẺ ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BAN ĐẦU TẠI TỪNG CƠ**  
**SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**  
*(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SYT ngày /6/2025*  
*của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)*

| STT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT                                                                | Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Số thẻ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tối đa | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 1   | Bệnh viện Đa khoa tỉnh                                                                             | 62001                         | Cơ bản                  | 35.000                                             |         |
| 2   | Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (cơ sở 1)                                          | 62058                         | Cơ bản                  | 3.000                                              |         |
| 3   | Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (cơ sở 2)                                          | 62134                         | Cơ bản                  | 3.000                                              |         |
| 4   | Bệnh xá Công an tỉnh                                                                               | 62141                         | Cơ bản                  | 1.000                                              |         |
| 5   | Bệnh xá Sư đoàn 10 (thuộc Quân đoàn 34)                                                            | 62126                         | Cơ bản                  | 5.000                                              |         |
| 6   | Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An (thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Kon Tum)             | 62160                         | Cơ bản                  | 9.000                                              |         |
| 7   | Phòng khám Đa khoa và Tiêm chủng Hạnh Tâm (thuộc Công ty TNHH MTV Y tế Hạnh Tâm)                   | 62159                         | Ban đầu                 | 8.000                                              |         |
| 8   | Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Kon Tum (thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ - Trang thiết bị y tế Hải Hưng) | 62158                         | Ban đầu                 | 7.000                                              |         |
| 9   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi                                                                 | 62127                         | Cơ bản                  | 10.000                                             |         |
| 10  | Trung tâm Y tế huyện Đắk Hà                                                                        | 62007                         | Cơ bản                  | 15.000                                             |         |
| 11  | Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô                                                                        | 62004                         | Cơ bản                  | 9.000                                              |         |
| 12  | Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông                                                                    | 62013                         | Cơ bản                  | 7.000                                              |         |
| 13  | Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei                                                                      | 62002                         | Cơ bản                  | 10.000                                             |         |

| STT | Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT                                                                                                                                                  | Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Cấp chuyên môn kỹ thuật | Số thẻ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tối đa                               | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 14  | Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy                                                                                                                                                         | 62008                         | Cơ bản                  | 6.000                                                                            |         |
| 15  | Trung tâm Y tế huyện Kon Plông                                                                                                                                                       | 62006                         | Cơ bản                  | 6.000                                                                            |         |
| 16  | Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy                                                                                                                                                         | 62005                         | Cơ bản                  | 10.000                                                                           |         |
| 17  | Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai                                                                                                                                                       | 62140                         | Cơ bản                  | 4.000                                                                            |         |
| 18  | Bệnh xá Quân dân y Khu vực Mô Rai (thuộc Binh đoàn 15)                                                                                                                               | 62132                         | Cơ bản                  | 3.000                                                                            |         |
| 19  | Trung tâm y tế cấp huyện được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo hình thức tổ chức là phòng khám; Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực công lập |                               |                         | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn các xã, phường, thị trấn |         |